TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 08, 20 – 24/02/2023

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

"Tâm lý thận trọng phủ bóng thị trường, ưu tiên quản trị rủi ro"

Chứng khoán toàn cầu đảo chiều giảm điểm, việc thiếu chất xúc tác ở chiều đi lên làm cho tâm lý thận trọng bao phủ thị trường. Trọng tâm chú ý của tuần hướng về biên bản cuộc họp FOMC và kết quả cho thấy gần như chắc chắn FED sẽ tiếp tục chu kỳ thắt chặt tiền tệ của mình đến khi đưa lam phát về mức mục tiêu. Giới đầu tư đang lo ngại bước tăng lãi suất có thể lên 50 điểm cơ bản thay vì 25 điểm cơ bản như kỳ vọng trước, khi số liệu kinh tế Mỹ nóng hơn dự kiến cùng chỉ số giá chi tiêu tiêu dùng cá nhân (PCE) - thước đo lạm phát ưa thích của Fed, đã tăng lên 4.7% trong tháng 1, cao hơn nhiều so với mức đồng thuận, đẩy lùi ý tưởng về một chính sách xoay trục sớm từ FED. Chốt tuần, Dow Jones, S&P 500 mất lần lượt 2.9% và 2.7%. Chứng khoán châu Âu cũng giao dịch trong sắc đỏ với Stoxx Euro giảm 1.4%. Chứng khoán châu Á đa phần giảm, dẫn đầu là Hang Sen với mức sụt giảm 3.4%. Nikkei cũng rời mức tham chiếu và giảm nhẹ 0.2%.

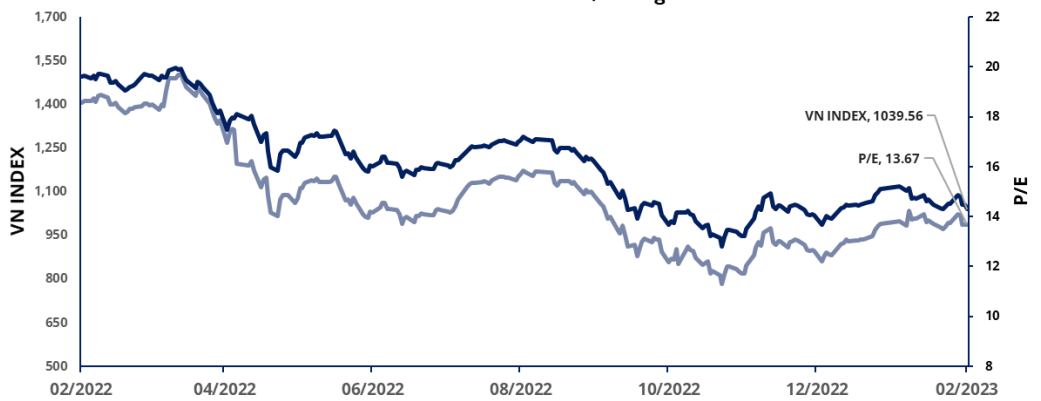
Dầu thô WTI có tuần giao tịch giằng co quanh mức 76 USD/thùng. Dữ liệu báo cáo mới của EIA cho thấy tồn kho của Mỹ tăng cao kỷ lục từ tháng 9 năm ngoái bù đắp cho việc Nga công bố kế hoạch cắt giảm xuất khẩu dầu từ các cảng phía tây tới 25% trong tháng 3. Đáng chú ý, chỉ số đô la đã tăng lên trên mức 105, mức cao nhất trong bảy tuần cùng với lợi suất trái phiếu kho bạc 10 năm của Hoa Kỳ, được coi là đại diện cho chi phí đi vay toàn cầu, cũng tăng lên trên 3.94%, mức cao nhất trong ba tháng.

Chứng khoán Việt Nam mất đà, áp lực giảm điểm quay trở lại. Sự hưng phấn đầu tuần nhanh chóng qua đi khi giới đầu tư tiếp nhận thông tin gói 120,000 tỷ đồng hỗ trợ thị trường bất động sản nhưng cũng đồng thời đánh giá lại tác động. Kết tuần, VN-Index giảm 19.8 điểm (-1.9%) về mức 1039.6 điểm, HNX Index cũng giảm 2.6 điểm (-1.3%) về 207.3 điểm. Khối ngoại quay trở lại bán ròng trong khi NĐT cá nhân trong nước mua ròng. Đa phần các nhóm ngành đều bị điều chỉnh giảm trong tuần. Đặc biệt nhóm vốn hóa lớn giao dịch tiêu cực gây ra nhiều trở ngại cho chỉ số. Lãi suất liên ngân hàng bắt đầu tăng trở lại cùng với áp lực tỷ giá cũng là điều cần lưu ý thời gian tới. Về tâm điểm tuần sau, tại Hoa Kỳ, sự xuất hiện của một số quan chức Fed sẽ được chú ý cùng với việc phát hành PMI của ISM. Ở những nơi khác, các nhà đầu tư sẽ theo dõi số liệu tăng trưởng GDP của Ấn Độ, Úc, Canada, Brazil, Thụy Sĩ, PMI của Trung Quốc và dữ liệu lạm phát sơ bộ của Khu vực đồng tiền chung châu Âu.

Góc nhìn và khuyến nghị: Thị trường gần như che lấp đà tăng của phiên đầu tuần để giao dịch trong sắc đỏ với cung bán chiếm ưu thế hoàn toàn. Điều này cho thấy xuất hiện nhiều "bẫy tăng giá" trong phiên và nhà đầu tư cần tránh tâm lý hưng phấn. Về mặt kỹ thuật, chỉ báo MACD thất bại trong chiều hướng bứt phá đi lên cùng với RSI giảm về lại dưới mức 50 hàm ý dòng tiền suy yếu. Đà tăng ngắn hạn cũng bị vi phạm khi chỉ số đánh mất ngưỡng 1,050 điểm, ứng với MA50 ngày đẩy rủi ro giao dịch lên cao hơn. Do vậy, chiến lược phù hợp là hạ bớt tỷ trọng và đứng ngoài quan sát. Diễn biến thị trường sắp tới sẽ nhiều khó khăn và có độ nhiễu.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,040	-1.9	-6.2	9.7	3.2		13.7	1.7	177
Upcom Index	77	-2.8	3.7	13.7	7.1		12.3	1.6	42
HNX Index	207	-1.3	-5.7	8.4	1.0		18.5	1.2	10
VN30 Index	1,030	-2.2	-8.2	9.5	2.5		11.0	1.6	129
S&P 500 Index	3,970	-2.7	-0.1	-0.4	4.5		19.2	3.9	34,935
STOXX Europe 600 Index	458	-1.4	2.3	5.2	9.1		13.5	1.9	13,551
Hang Seng	20,010	-3.4	-9.2	13.3	1.2		12.0	1.2	2,911
Nikkei 225	27,453	-0.2	2.0	-2.4	5.2		22.2	1.7	3,601
SHCOMP Index	3,267	1.3	0.1	5.8	5.8		14.4	1.4	6,848
STI Index	3,282	-1.4	-0.3	0.9	1.0		14.0	1.1	373
KOSPI Index	2,424	-1.1	1.2	-0.7	8.4		11.7	0.9	1,428

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

[Chuyên viên phân tích] Trần Khang
☎ (84-28) 6287-8037
✉ khang.lt@shinhan.com

Mở tài khoản

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	1W	1M	1M	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	-2.0	-6.7	3.2	23.5	-5.5	-19.5	59.3	-2.6	11.3	1.7	3,575,901
Mid Cap	-0.8	-3.3	3.9	38.0	13.9	4.5	38.0	2.5	13.7	1.0	491,898
Small Cap	-0.2	-0.4	4.2	30.5	4.3	0.6	2.7	0.0	21.5	0.6	74,558

Theo ngành

Tên ngành	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Truyền thông	7.7	8.1	17.8	307.5	267.0	129.4	0.0	0.0	6.9	0.7	1,038
Tiện ích	-0.6	1.6	5.5	23.8	0.4	-0.3	2.0	-0.1	12.4	2.0	322,339
Tài nguyên cơ bản	-1.0	-1.7	14.9	36.2	9.0	8.2	13.2	0.7	24.4	1.1	160,937
Công nghệ Thông tin	-1.1	-3.6	4.4	44.0	-5.2	-9.3	0.9	0.1	16.8	2.7	100,612
Xây dựng và vật liệu	-1.3	-3.3	9.9	42.7	27.0	40.0	9.3	0.9	14.3	0.9	96,899
Du lịch và Giải trí	-1.4	-13.2	-9.2	88.0	8.5	-16.7	0.7	0.2	n.a	9.8	92,394
Ngân hàng	-1.5	-5.0	8.2	10.1	-15.9	-24.0	20.4	-3.5	8.2	1.5	1,544,571
Ô tô & Phụ tùng	-1.5	-0.9	1.5	27.2	14.8	21.4	0.5	0.0	9.6	1.1	13,583
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	-1.6	-2.9	1.9	34.8	-1.5	-14.0	4.0	0.2	10.0	1.1	106,969
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.9	-7.0	-4.6	16.1	-20.5	-10.7	1.0	-0.1	6.9	1.7	49,172
Dược và Y tế	-2.1	1.9	4.7	61.0	16.2	5.5	0.2	0.0	12.9	1.9	31,891
Tài chính	-2.1	-10.3	6.3	61.5	15.1	-11.0	12.9	2.6	15.5	0.9	99,767
Bán lẻ	-2.1	-5.7	0.3	48.3	-15.8	-12.8	2.4	0.3	15.4	2.5	83,528
Thực phẩm và đồ uống	-2.3	-7.6	-0.2	12.4	-12.3	-23.2	7.2	-1.1	21.7	2.8	493,879
Bảo hiểm	-2.6	-1.6	5.0	10.2	-10.1	-15.4	0.4	-0.1	6.9	1.6	47,744
Hóa chất	-2.9	-10.8	-2.9	24.4	-6.8	-11.7	4.1	-0.1	5.9	1.1	127,059
Bất động sản	-3.0	-11.5	-5.6	27.6	11.5	-19.6	18.9	-0.2	13.3	1.2	710,186
Dầu khí	-3.0	-0.8	18.5	30.4	35.8	24.3	1.8	0.0	7.9	2.1	59,464

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**3,507**	**-7.9**	**83.7**	**751.1**	**237.3**
Nước ngoài	**2,358**	**-7.9**	**78.3**	**713.0**	**202.9**
VanEck Vectors Vietnam ETF	495	0.0	3.7	165.3	89.2
Fubon FTSE Vietnam ETF	704	0.0	0.0	122.4	1.5
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	686	-8.8	29.6	329.3	115.0
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	311	0.9	24.6	72.5	47.9
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	133	0.0	19.8	22.9	-51.4
Premia MSCI Vietnam ETF	15	0.0	0.0	0.0	0.0
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	5	0.0	0.7	0.7	0.7
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**1,149**	**0.1**	**5.4**	**38.2**	**34.4**
DCVFMVN Diamond ETF	592	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	358	0.0	5.4	31.0	28.4
SSIAM VNFIN LEAD ETF	160	0.1	0.1	13.8	6.5
MAFN VN30 ETF	26	0.0	0.0	-2.3	0.0
SSIAM VNX50 ETF	5	0.0	-0.1	-4.3	-0.5
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	3	0.0	0.0	0.0	0.0

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	22,975	26,831	-160,700
Ấn độ	174	403	-3,256	-3,256
Indonesia	15	219	15	15
Nhật Bản*	1,474	2,132	4,358	4,358
Maylaysia	51	-6	-88	-88
Philippines	-22	-33	89	89
Hàn Quốc	-744	1,327	6,567	6,567
Sri Lanka	-2	8	9	9
Đài Loan	-418	1,108	8,348	8,348
Thái Lan	-417	-962	-417	-417
Việt Nam	-50	5	120	120

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

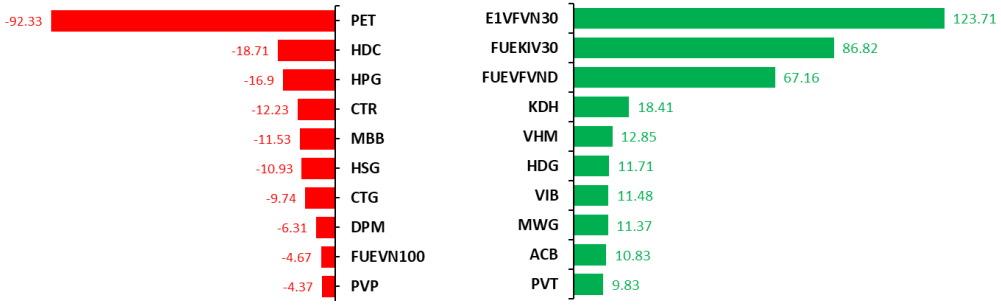
Chú thích:

-WTD: từ đầu tuần
-MTD: từ đầu tháng
-QTD: từ đầu quý
-YTD: từ đầu năm

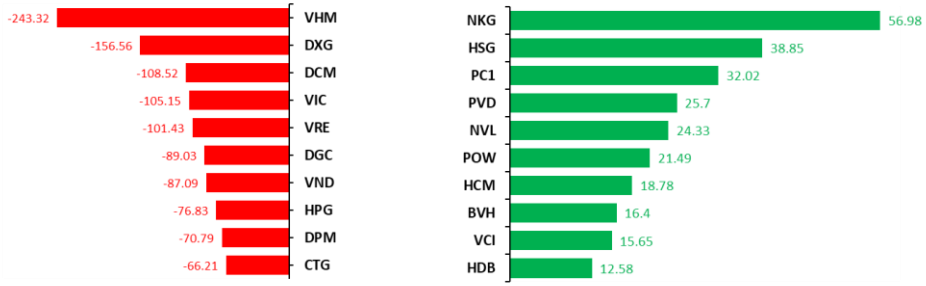
WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	36	-679	802	-123
Tài nguyên Cơ bản	-29	17	74	-91
Truyền thông	0	0	0	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	6	-92	102	-10
Y tế	0	2	-8	7
Hóa chất	-6	-280	397	-116
Dịch vụ tài chính	281	-97	215	-118
Du lịch và Giải trí	3	8	-11	3
Ngân hàng	12	-256	1	255
Xây dựng và Vật liệu	-14	16	7	-24
Thực phẩm và đồ uống	13	-123	150	-27
Bán lẻ	-83	-13	-20	33
Điện, nước & xăng dầu khí đố	2	29	19	-48
Hàng cá nhân & Gia dụng	-4	12	4	-16
Công nghệ Thông tin	5	-1	-29	30
Ô tô và phụ tùng	0	-1	19	-18
Bảo hiểm	-3	12	-19	6
Dầu khí	0	25	-41	16
Tổng	219	-1,423	1,664	-241

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Shinhan Securities

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX *

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	GSP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	6.71 - 17.45	10.2	-8.93%
2	NLG	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	16.45 - 61.40	26.1	-8.92%
3	DCL	Y tế	21.70 - 40.50	25.1	-8.74%
4	PTL	Bất động sản	2.73 - 15.80	3.6	-8.72%
5	CMX	Sản xuất nông nghiệp	4.91 - 24.55	8.8	-8.14%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
37.82%	1.6	0.81 - 7.30	Bất động sản	AMD
37.32%	3.9	1.50 - 10.85	Bất động sản	HQC
20.38%	15.7	7.18 - 27.45	Ô tô và phụ tùng	TMT
18.38%	13.9	7.40 - 26.64	Bất động sản	IJC
14.97%	15.7	3.59 - 22.50	Bất động sản	SCR

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	THS	Bán lẻ	14.30 - 50.60	15.1	-18.38%
2	PTI	Bảo hiểm	23.50 - 77.00	29.0	-14.71%
3	VC9	Xây dựng và Vật liệu	4.10 - 28.40	4.8	-14.29%
4	MCO	Xây dựng và Vật liệu	3.10 - 8.80	3.1	-13.89%
5	V12	Xây dựng và Vật liệu	10.40 - 28.30	13.2	-13.16%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
22.44%	19.1	13.50 - 22.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	TJC
19.10%	21.2	16.20 - 26.80	Thực phẩm và đồ uống	VDL
17.95%	4.6	2.90 - 8.50	Tài nguyên Cơ bản	SSM
16.67%	112.0	87.00 - 123.80	Y tế	DP3
16.67%	4.2	2.50 - 12.90	Y tế	AMV

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	SJM	Xây dựng và Vật liệu	3.80 - 10.00	3.8	-30.91%
2	BDW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.30 - 30.50	18.5	-28.85%
3	VFC	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.10 - 77.50	47.5	-27.15%
4	VNZ	Truyền thông	336.00 - 1,562.50	890.0	-27.02%
5	LQN	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	4.10 - 6.90	4.4	-26.67%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
97.96%	19.4	4.30 - 91.30	Thực phẩm và đồ uống	CFV
58.97%	31.0	17.00 - 37.50	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	BRS
41.07%	7.9	3.20 - 8.90	Thực phẩm và đồ uống	VSF
35.70%	61.2	42.20 - 74.90	Tài nguyên Cơ bản	TMG
33.03%	29.0	14.00 - 32.00	Du lịch và Giải trí	DSD

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	ACG	Gỗ An Cường	Tài nguyên Cơ bản	1,837.5	334.7	40.5	32.90 - 67.90	-5.9
2	DBD	Dược - TB Y tế Bình Định	Y tế	1,722.8	174.1	42.0	33.95 - 48.80	-1.2
3	IJC	Becamex IJC	Bất động sản	59,397.4	153.0	13.9	7.40 - 26.64	18.4
4	SCR	Sacomreal	Bất động sản	63,320.6	106.4	7.0	3.59 - 22.50	15.0
5	HCM	Chứng khoán TP.HCM	Dịch vụ tài chính	171,622.9	104.4	24.0	14.35 - 38.85	-0.8
6	PGD	PV GAS D	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	496.4	102.5	32.0	22.35 - 39.55	1.9
7	NLG	BĐS Nam Long	Bất động sản	28,471.7	93.4	26.1	16.45 - 61.40	-8.9
8	TCH	ĐT DV Tài chính Hoàng Huy	Bất động sản	50,726.1	85.9	7.3	5.31 - 22.90	0.8
9	PTB	Công ty Cổ phần Phú Tài	Tài nguyên Cơ bản	5,986.8	83.9	41.7	33.50 - 92.93	-2.7
10	VRE	Vincom Retail	Bất động sản	58,100.0	79.0	26.5	21.40 - 34.90	-6.7

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

WEEKLY SNAPSHOT
Những dữ liệu vĩ mô khác

Tỷ giá

	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dollar index	105.21	1.31	3.23	-0.81	1.63	
VND/USD	23,788	0.27	1.45	-4.22	0.66	
KRW/USD	1,304.70	0.39	5.60	-1.78	3.10	
JPY/USD	136.48	1.74	4.85	-1.49	4.09	
EUR/USD	0.95	1.39	3.22	-1.30	1.50	
SGD/USD	1.35	1.06	2.35	-1.80	0.83	
CNY/USD	6.96	1.33	2.59	-2.68	0.89	

Hàng hóa

	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dầu thô	76.32	-2.76	-4.75	-2.08	-4.91	
Xăng	235.87	-3.15	-10.95	-4.68	-4.10	
Gas	2.55	6.66	-21.79	-65.13	-43.06	
Than	204.25	-2.44	-43.20	-41.20	-49.46	
Vàng	1,811.04	-1.70	-6.52	3.18	-0.71	
Bạc	20.76	-4.45	-12.30	-3.54	-13.32	
Platinum	913.03	-0.89	-13.91	-7.90	-15.01	
Quặng sắt	125.85	0.93	3.18	36.88	13.09	
Thép cán	4,372.00	1.23	4.22	12.97	5.43	
Lúa mì	708.25	-7.42	-3.57	-10.74	-10.57	
Ngô	650.00	-3.85	-3.99	-2.00	-4.20	
Gỗ	387.10	-0.59	-15.65	-10.39	3.59	

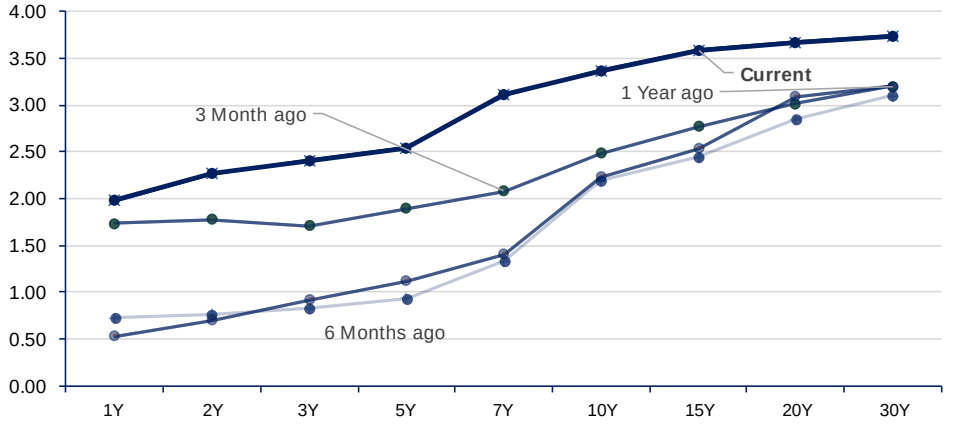
Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Nguồn: SBV

Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.98	2.27	2.41	2.54	3.11	3.37	3.59	3.67	3.74
Thay đổi (BPS)*	2.50	5.40	10.70	0.20	-3.30	-5.30	-4.30	-0.20	-0.44

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

*Thay đổi so với tuần trước đó

Shinhan Securities

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.